

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**
Bản án số: 03/2025/DS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 11/7/2025
Về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hành;
2. Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2025, tại trụ sở Cơ sở 2 Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2025/TLST-DS ngày 25/3/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 30/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-DS ngày 25/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần L (Sau đây gọi là Ngân hàng, viết là L1); địa chỉ: Tòa nhà L, số nhà B đường T, Phường H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1992; Trưởng bộ phận kinh doanh - Ngân hàng Thương mại Cổ phần L Chi nhánh S, Phòng G; địa chỉ: Số nhà G ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ (Quyết định ủy quyền số 295/2024/QĐ-LPBank.CNST).

2. *Bị đơn:* Anh Kim Vũ K, sinh năm 1984 và chị Kim Thị Trung N, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2024 (Bút lục 02) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần L với người đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Minh T đều trình bày:

Ngày 29/12/2021, anh K và chị N với Ngân hàng TMCP B - Phòng G (Nay là Ngân hàng TMCP L) đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTĐ882202100390.

Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho anh K với chị N vay 190.000.000 đồng để tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 14,5%/năm tính theo dư nợ gốc thực tế và có điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% trong hạn; thanh toán trả vốn và lãi theo phân kỳ hàng tháng vào ngày 20 - tương ứng 60 kỳ trả nợ.

Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân và anh K với chị N đã nhận đủ tiền vay. Tuy nhiên, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; chỉ trả nợ vốn được 72.910.000 đồng và lãi được 45.873.931 đồng thì để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 30/12/2023. Tính đến ngày 11/7/2025, bên vay còn nợ Ngân hàng số tiền 155.814.717 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm mười bốn ngàn bảy trăm mười bảy đồng); trong đó, tiền nợ gốc quá hạn là 117.090.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.259.334 đồng và nợ lãi quá hạn là 14.465.383 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh K với chị N thanh toán số nợ nêu trên; đồng thời, phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 12/7/2025 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh kèm Báo cáo thay đổi tên gọi của chi nhánh, phòng giao dịch; bản sao Quyết định số 636/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 08/10/2024 của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc chi nhánh, phòng giao dịch; bản sao Hợp đồng tín dụng số HDTD882202100390 kèm Khế ước nhận nợ; bản sao Quyết định và Thông báo của Ngân hàng N1 về sửa đổi tên của Ngân hàng; Quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng, về việc bổ nhiệm Giám đốc Phòng G; Quyết định ủy quyền lại của Giám đốc Phòng Giao dịch đối với người tham gia tố tụng kèm Căn cước công dân của người đại diện; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ.

- *Đối với bị đơn là anh Kim Vũ K và chị Kim Thị Trung N:* Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng vợ chồng anh K - chị N không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Anh K với chị N còn vắng mặt không có lý do trong cả 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho anh K - chị N, trong đó có ghi nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đến ngày 29/5/2025, phía bị đơn còn nợ tiền vốn cùng tiền lãi là 147.650.094 đồng và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 25/6/2025, anh K với chị N vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ; không phản đối yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ nêu quan điểm:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án. Do Hợp đồng hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền vốn vay là 155.814.717 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận, quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng yêu cầu anh K, chị N trả tiền vốn và lãi theo Hợp đồng vay; bị đơn vay tiền tiêu dùng nên là giao dịch về dân sự, thuộc trường hợp Hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt anh K với chị N.

[2] Về nội dung giải quyết.

Căn cứ bản sao Hợp đồng tín dụng số HDTD882202100390 kèm Khế ước nhận nợ (Bút lục 17), việc không phản đối của anh K với chị N; đối chiếu quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận ngày 29/12/2021, anh K và chị N với Ngân hàng TMCP B - Phòng G (Nay là Ngân hàng TMCP L) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD882202100390, để vay 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 14,5%/năm và có điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện Hợp đồng vay này, Ngân hàng đã giải ngân và bên vay là anh K với chị N đã nhận đủ tiền vay một lần.

Xét Hợp đồng số HDTD882202100390 nêu trên, thì thấy:

Theo các quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng, có nội dung quy định Phòng giao dịch được thực hiện các hoạt động theo phân cấp; phù hợp điểm a Khoản 3 Điều 4, điểm b Khoản 1 Điều 22 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (Thời điểm giao kết hợp đồng, trước khi đổi tên Ngân hàng) và Điều 49 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12.

Về phía bị đơn là anh K với chị N không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự. Cho nên, Phó Giám đốc Phòng Giao dịch của Ngân hàng ký kết Hợp đồng vay với phía bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự.

Các đương sự đều thừa nhận và/hoặc không phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện.

Mục đích sử dụng tiền vay để tiêu dùng là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Ngoài ra, Hợp đồng còn quy định đủ các điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, phạt vi phạm, bồi thường cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữa nguyên đơn và phía bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành. Tính đến ngày 11/7/2025, anh K với chị N còn nợ Ngân hàng tiền vốn 117.090.000 đồng và lãi 38.724.717 đồng, đã vi phạm Điều 9 của Hợp đồng nên phía bị đơn hoàn toàn có lỗi.

Anh K với chị N không phản đối toàn bộ số tiền còn nợ cũng như vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Thông báo kết quả phiên họp của Tòa án, Ngân hàng khởi kiện và tính tiền lãi đúng Hợp đồng, không có vấn đề trở ngại khách quan nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh K với chị N thanh toán 155.814.717 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày 12/7/2025 cho đến khi trả hết nợ vay và các nghĩa vụ tương ứng khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, anh K với chị N phải liên đới chịu án phí là 155.814.717 đồng x 5% = 7.790.735 đồng.

[4] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 463, Khoản 1 và Khoản 5 Điều 466, Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L đối với bị đơn Kim Vũ K và Kim Thị Trung N, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Buộc anh K với chị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng 155.814.717 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm mười bốn ngàn bảy trăm mười bảy đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày 12/7/2025, cho đến khi trả hết nợ vay. Khi Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và thông báo cho anh K với chị N, lãi suất bên vay phải trả cũng được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh K với chị N phải liên đới chịu 7.790.735 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.531.784 đồng, theo Biên lai thu số 0000114 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Cần Thơ).

3. Ngân hàng có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng anh K, chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHUÔNG

